

## **SOẠN VĂN 9 BÀI 11: TỔNG KẾT VỀ TỪ VỰNG (TIẾP THEO)**

*Từ tượng thanh, từ tượng hình*

**Soạn câu 1 trang 146 SGK Ngữ văn 9 Tập 1:**

*Ôn lại khái niệm từ tượng hình, từ tượng thanh*

**Trả lời:**

- Từ tượng thanh là mô phỏng âm thanh của tự nhiên, của con người.
- Từ tượng hình là từ gọi tả hình ảnh, dáng vẻ, trạng thái của sự vật.

**Soạn câu 2 trang 146 SGK Ngữ văn 9 Tập 1:**

*Tìm những tên loài vật là từ tượng thanh*

**Trả lời:**

Những loài vật có tên gọi từ tượng thanh: mèo, tắc kè, bò, (chim) cu...

**Soạn câu 3 trang 146 SGK Ngữ văn 9 Tập 1:**

*Xác định từ tượng thanh và giá trị sử dụng của chúng trong đoạn trích.*

**Trả lời:**

- Những từ tượng hình trong đoạn trích: lốm đốm, lê thê, loáng thoáng, lò to
- Các từ tượng hình có tác dụng trong việc mô tả đám mây một cách sống động, cụ thể.

*Các biện pháp tu từ từ vựng*

**Soạn câu 1 trang 147 SGK Ngữ văn 9 Tập 1:**

*Ôn lại các khái niệm: so sánh, ẩn dụ, nhân hóa, hoán dụ, nói quá, nói giảm nói tránh, điệp ngữ, chơi chữ.*

**Lời giải chi tiết:**

- So sánh: đối chiếu giữa sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng

- Nhân hoá: gọi hoặc tả con vật, cây cối, đồ vật,... bằng những từ ngữ vốn được dùng để gọi hoặc tả con người; làm cho thế giới loài vật, cây cối, đồ vật,... trở nên gần gũi với con người, biểu thị được những suy nghĩ, tình cảm của con người.
- Ẩn dụ: gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó.
- Hoán dụ: gọi tên sự vật, hiện tượng, khái niệm bằng tên của một sự vật, hiện tượng, khái niệm khác có quan hệ gần gũi với nó.
- Nói quá: phóng đại mức độ, quy mô, tính chất của sự vật, hiện tượng được miêu tả để nhấn mạnh, gây ấn tượng, tăng sức biểu cảm.
- Nói giảm nói tránh: dùng cách diễn đạt tế nhị, uyển chuyển, tránh gây cảm giác quá đau buồn, ghê sợ, nặng nề; tránh thô tục, thiếu lịch sự.
- Điệp ngữ: lặp lại từ ngữ (hoặc cả một câu) để làm nổi bật ý, gây cảm xúc mạnh.
- Chơi chữ: lợi dụng đặc sắc về âm, về nghĩa của từ ngữ để tạo sắc thái dí dỏm, hài hước,... làm câu văn hấp dẫn và thú vị.

**Soạn câu 2 trang 147 SGK Ngữ văn 9 Tập 1:**

*Các biện pháp tu từ:*

**Lời giải chi tiết:**

- Nguyễn Du đã sử dụng biện pháp tu từ ẩn dụ. Từ hoa, cành: Thúy Kiều và cuộc đời của nàng. Từ cây, lá dùng để chỉ gia đình Thúy Kiều và cuộc sống của gia đình nàng. Ý của hai câu thơ nhằm nói Thúy Kiều bán mình để cứu gia đình.
- Nguyễn Du đã so sánh tiếng đàn của Thúy Kiều với tiếng hạc, tiếng suối, tiếng gió thoảng, tiếng trời đổ mưa.
- Nguyễn Du đã sử dụng biện pháp nói quá. Vẻ đẹp của Thúy Kiều đến mức hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh. Thúy Kiều không chỉ đẹp nghiêng nước nghiêng thành mà còn có tài: sắc đành đòi một, tài đành họa hai. Biện pháp nói quá khi nói về Thúy Kiều, nhà thơ đã khắc họa một nhân vật tài sắc vẹn toàn.
- Nguyễn Du sử dụng biện pháp nói quá. Hoạn Thư bắt Thúy Kiều chếp kinh ở gác Quan Âm gần với phòng đọc sách của Thúc Sinh. Tuy ở gần nhau trong gang tấc nhưng hai người lại trở nên xa cách gấp mười quan san. Bằng biện pháp nói quá, Nguyễn Du đã khắc họa đậm nét sự xa cách cũng như cảnh ngộ thân phận giữa Thúy Kiều và Thúc Sinh.

Biện pháp chơi chữ được sử dụng trong câu thơ là những từ gần âm với nhau: chữ tài, chữ tai.

**Soạn câu 3 trang 147 SGK Ngữ văn 9 Tập 1:**

*Nghệ thuật được sử dụng trong các câu thơ:*

**Lời giải chi tiết:**

a) Tác giả dân gian sử dụng điệp từ (còn) và sử dụng từ đa nghĩa (say sưa). Chàng trai trong câu ca dao vì uống nhiều rượu mà say, nhưng cũng có thể hiểu thêm nghĩa khác là chàng trai say đắm vì tình. Nhờ cách nói đó mà sự bày tỏ tình cảm của chàng trai trở nên mạnh mẽ nhưng không kém phần kín đáo, tế nhị.

b) Nguyễn Trãi đã sử dụng biện pháp nói quá trong 2 câu: “Guom mài... đá núi cũng mòn; vo: uổng... nước sông phải cạn”. Biện pháp nói quá trên đã nhấn mạnh sức mạnh không ngừng của nghĩa quân; đó cũng là ý chí nghị lực, quyết tâm của nghĩa quân không gì ngăn cản nổi trong cuộc đấu tranh chống xâm lược...

c) Trong bài Cảnh khuya, tác giả Hồ Chí Minh đã sử dụng biện pháp so sánh và điệp từ ngữ để miêu tả cũng như bày tỏ tâm trạng của mình:

So sánh:

Tiếng suối trong như tiếng hát xa

Cảnh khuya như vẽ

Điệp từ ngữ: ... lờng., lờng...

... chưa ngủ... chưa ngủ.

- “Cảnh khuya” được bắt đầu bằng âm thanh của tiếng suối vang rộng trong đêm khuya nhưng tác giả cảm nhận như là tiếng hát. Cách ví von đó rất phù hợp với sự liên tưởng giữa cảnh vật và con người ở chiến khu Việt Bắc hồi bấy giờ. Cũng vì vậy mà câu thơ đã đưa người đọc như đi vào một cõi mơ trong sự liên tưởng âm thanh tiếng suối hay giọng hát xa của con người trong một đêm trăng huyền ảo, lung linh...

- Sau âm thanh mơ màng đó là hình ảnh của cảnh khuya hiện lên những nét vẽ. Hình ảnh “Trăng lờng có thụ bóng lờng hoa” đã đưa người đọc hình dung ra những nét vẽ bằng ngôn từ của đêm trăng mà tác của cảnh khuya cũng ví von là cảnh khuya như vẽ. Hai từ lờng trong thơ đã được tạo nên từng lớp, từng tầng của cảnh vật và trăng; nó như chèo hòa, hòa hợp với nhau có đầy đủ cả hình ảnh lẫn sắc màu...

- Cùng với vẻ đẹp của đêm trăng trong rừng khuya Việt Bắc, tâm trạng của thi nhân cũng được mở ra với người đọc... Sự lặp lại nối tiếp của hai từ chưa ngủ trong hai câu thơ cho ta thấy nhà thơ vì vẻ đẹp cảnh khuya mà chưa ngủ hay chưa ngủ vì đang “lo nỗi nước nhà”, chính là hai tâm trạng của một con người vĩ đại: say thiên nhiên và việc nước, và đó cũng là chất lãng mạn và hiện thực của một nhà mạng làm thơ...

**d)** Tác giả sử dụng biện pháp nhân hóa trong hai câu thơ.

Hình ảnh của ánh trăng, vàng trăng đã trở thành người bạn tri ân, tri kỉ với nhà thơ Hồ Chí Minh: Trăng nhòm khe cửa ngắm nhà thơ. Biện pháp nhân hóa trong câu thơ đã vẽ nên hình ảnh bức tranh thiên nhiên sống động, có ảnh, có hồn; trăng đã trở thành một nhân vật luôn gắn bó, gần gũi với con người...

**e)** Nhà thơ đã sử dụng biện pháp ẩn dụ trong câu thơ thứ hai. Trời nhằm chỉ em bé trên lưng mẹ. Hình ảnh ẩn dụ trong câu thơ thể hiện sự gắn bó giữa người mẹ với đứa con. Đó là nguồn sống, sự tin yêu tin tưởng của người mẹ đối với ngày mai.